

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1029/QĐ-UBND

Ninh Thuận, ngày 30 tháng 6 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc phê duyệt điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Di dời hệ thống mạng viễn thông của VNPT Ninh Thuận phục vụ công tác giải phóng mặt bằng thi công đường bộ cao tốc Bắc - Nam cung đoạn Cam Lâm - Vĩnh Hảo đoạn qua địa bàn huyện Ninh Sơn

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 09/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 15/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định đơn giá nhân công xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 16/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 59/2017/QĐ-UBND ngày 07/8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Ban hành quy định phân công, phân cấp quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-UBND ngày 11/12/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Di dời hệ thống mạng viễn thông của VNPT Ninh Thuận phục vụ công tác GPMB thi công đường bộ cao tốc Bắc - Nam cung đoạn Cam Lâm - Vĩnh Hảo đoạn qua địa bàn huyện Ninh Sơn;

Căn cứ Văn bản số 1655/UBND-KTTH ngày 05/5/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc lập hoàn thiện hồ sơ điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật và dự toán di dời công trình hạ tầng kỹ thuật phục vụ giải phóng mặt bằng thi công đường bộ cao tốc Bắc Nam;



Căn cứ Văn bản số 915/BQL-ĐHDA3 ngày 20/5/2020 của Ban Quản lý dự án 85 về việc di dời công trình hạ tầng kỹ thuật trong phạm vi bảo vệ kết cấu đường bộ phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ cao tốc đoạn Cam Lâm - Vĩnh Hải, đoạn qua tỉnh Ninh Thuận;

Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân huyện Ninh Sơn tại Tờ trình số 75/TTr-UBND ngày 04/6/2020 và đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 1934/TTr-SXD ngày 24/6/2020.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình với những nội dung chính như sau:

1.1. Quy mô đầu tư xây dựng công trình được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật tại Quyết định số 1982/QĐ-UBND ngày 11/12/2019:

a) Đoạn dọc quốc lộ 27 và vị trí giao cắt với Cao tốc Bắc Nam:

- Hiện tại vị trí này có tuyến cống bê 2 ống PVC F110-370m dọc theo quốc lộ 27 và 24m cống bê qua đường quốc lộ 27 tại Cầu dứa cùng với 8 bê cấp 2 đan vuông của VNPT hiện hữu. Vì vậy cần đập bỏ bê cấp và di dời tuyến ống hiện hữu vào vị trí lề mới để thi công cầu vượt tại quốc lộ 27. Mặt khác, do đoạn cống qua đường 24m tại Cầu dứa hiện nằm tại vị trí dầm móng chính của cầu vượt Cao tốc, vì vậy hủy bỏ đoạn cống vượt đường này và bổ sung 1 đoạn cống qua đường mới tại vị trí dưới gầm cầu vượt để thông tuyến cống bê chui hầm kỹ thuật vượt cao tốc sau đường thi công xong.

- Về phần cáp cống trong tuyến cống bê: Cắt cáp và đôn cáp sau đó di dời theo cùng tuyến ống đến vị trí lề mới.

- Về tuyến cáp treo hiện hữu: Tháo cáp, dịch tuyến cột vào ngoài mốc giải phóng mặt bằng, sau đó tại đoạn vượt cao tốc cần bổ sung cáp mới và cột treo cáp cùng tháp nối để treo tạm cáp vượt cao tốc chờ thi công đường hoàn thiện. Sau khi tuyến cống bê mới qua hầm kỹ thuật của cao tốc hoàn thành, kéo lại cáp treo trong đường cống bê làm mới để vượt cao tốc. Bổ sung cáp mới và mằng sông để nối cáp huyệt khi di dời treo tạm và khi kéo lại vào cống bê, hầm kỹ thuật.

b) Phần tháo dỡ, thu hồi, dịch chuyển, kéo tạm:

- |   |            |
|---|------------|
| - Cáp đồng treo 200x2 thu hồi để dịch chuyển  | : 1.360 m. |
| - Cáp quang treo 48FO thu hồi để dịch chuyển  | : 1.360 m. |
| - Cáp quang treo 24FO thu hồi để dịch chuyển  | : 1.780 m. |
| - Cáp đồng cống 200x2 thu hồi để dịch chuyển  | : 840 m.   |
| - Cáp quang cống 48FO thu hồi để dịch chuyển  | : 840 m    |
| - Cáp quang cống 24FO thu hồi để dịch chuyển  | : 420 m    |
| - Cáp đồng treo 200x2 dịch chuyển và treo tạm | : 1.760 m. |
| - Cáp quang treo 48FO dịch chuyển và treo tạm | : 1.760 m  |

- Cáp quang treo 24FO dịch chuyển và treo tạm	: 2.180 m
- Cáp đồng treo 200x2 thu treo tạm để kéo cống	: 400 m.
- Cáp quang treo 48FO thu treo tạm để kéo cống	: 400 m.
- Cáp quang treo 24FO thu treo tạm để kéo cống	: 400 m.
- Tủ cáp đồng 200x2 dịch chuyển	: 1 tủ.
- Tủ cáp quang 48FO dịch chuyển	: 2 tủ.
- Tủ cáp quang 24FO dịch chuyển	: 4 tủ.
- Cột bê tông ly tâm 8,5m đôi thu hồi	: 2 cột.
- Cột bê tông vuông 7m đôi thu hồi	: 2 cột.
- Cột bê tông vuông 7m đơn thu hồi	: 31 cột.
- Cột bê tông ly tâm 8,5m đôi trồng lại	: 2 cột.
- Cột bê tông vuông 7m đôi trồng lại	: 4 cột.
- Cột bê tông vuông 7m đơn trồng lại	: 27 cột.
- Tuyến cống bê 2 ống PVC F110 hiện trạng bị lấp	: 24 m.
- Tuyến cống bê 2 ống PVC F110 di dời	: 370 m.
- Bể cáp 2 đan vuông hiện trạng bị lấp	: 8 bể.
c) Phần bổ sung phục vụ di dời phân cáp:	
- Cáp đồng 200x2x0,5mm bổ sung	: 400 m.
- Cáp quang treo 48FO bổ sung	: 400 m.
- Cáp quang treo 24FO bổ sung	: 400 m.
- Măng sông cáp đồng 200x2	: 4 bộ.
- Măng sông quang 48FO	: 4 bộ.
- Măng sông quang 24FO	: 4 bộ.
- Giá dự phòng cáp quang trên tuyến	: 2 bộ.
- Kẹp cáp + Bulong treo cáp	: 116 bộ.
- Sắt nối L100x100x10-2,45m	: 2 thanh.
- Hệ thống tiếp đất tủ cáp và tuyến cáp treo	: 9 hệ thống.
d) Phần bổ sung phục vụ di dời phân cống bê, cột:	
- Tuyến cống 2 ống sắt F113,5mm qua đường	: 40 m.
- Tuyến cống 2 ống sắt F113,5mm qua hầm	: 50 m.
- Tuyến cống 2 ống PVC F110mm	: 110 m.
- Tuyến 1 ống PVC F110 lên cáp	: 6 m.
- Ống cong R500 lên cáp	: 2 cái.
- Bể cáp 2 đan vuông TC dưới hè	: 11 bể.
- Cột bê tông vuông đôi 7m	: 1 cột.
- Đồ ụ quày cột đôi	: 5 ụ.
- Đồ ụ quày cột đơn	: 25 ụ.



e) Thay thế dây cáp thuê bao cáp đồng và cáp quang trên tuyến: Trong quá trình thu hồi, các dây thuê thuê bao cáp đồng và cáp quang trên tuyến do rất mỏng nên sẽ bị đứt cần cắt bỏ. Do vậy, sau khi di dời cáp chính cần trang bị lại cáp mới để kéo lại đầu nối đến các thuê bao đang hoạt động trên tuyến với khối lượng:

- Dây sup thuê bao đồng (500m) : 04 cuộn.
- Dây sup thuê bao quang : 2.000 m.

### 1.2. Quy mô đầu tư xây dựng công trình sau điều chỉnh:

Thay đổi, bổ sung quy mô đầu tư xây dựng đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật tại Quyết định số 1982/QĐ-UBND ngày 11/12/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, cụ thể như sau:

#### a) Đoạn dọc quốc lộ 27 và vị trí giao cắt với Cao tốc Bắc Nam:

- Hiện tại vị trí này có tuyến cống bê 2 ống PVC F110-370m dọc theo quốc lộ 27 và 24m cống bê qua đường quốc lộ 27 tại Cầu dứa cùng với 8 bê cáp 2 đan vuông của VNPT hiện hữu. Vì vậy cần đập bỏ bê cáp và di dời tuyến ống hiện hữu vào vị trí lề mới để thi công cầu vượt tại quốc lộ 27. Mặt khác, do đoạn cống qua đường 24m tại Cầu dứa hiện nằm tại vị trí dầm móng chính của cầu vượt Cao tốc, vì vậy hủy bỏ đoạn cống vượt đường này và bổ sung 1 đoạn cống qua đường mới tại vị trí dưới gầm cầu vượt để thông tuyến cống bê chui hầm kỹ thuật vượt cao tốc sau khi đường thi công xong.

- Về phân cáp cống trong tuyến cống bê: Cắt cáp và dôn cáp sau đó di dời theo cùng tuyến ống đến vị trí lề mới.

- Về tuyến cáp treo hiện hữu: Tháo cáp, dịch tuyến cột vào ngoài mốc giải phóng mặt bằng, sau đó tại đoạn vượt cao tốc cần bổ sung cáp mới và cột treo cáp cùng tháp nối để treo tạm cáp vượt cao tốc chờ thi công đường hoàn thiện. Sau khi tuyến cống bê mới qua hầm kỹ thuật của cao tốc hoàn thành, kéo lại cáp treo trong đường cống bê làm mới để vượt cao tốc. Bổ sung cáp mới và măng sông để nối cáp hụt khi di dời treo tạm và khi kéo lại vào cống bê, hầm kỹ thuật.

#### b) Phần tháo dỡ, thu hồi, dịch chuyển, kéo tạm:

- Cáp đồng treo 200x2 thu hồi : 1.360 m
- Cáp quang treo 48FO thu hồi : 1.360 m
- Cáp quang treo 24FO thu hồi : 1.780 m
- Cáp đồng cống 200x2 thu hồi : 840 m
- Cáp quang cống 48FO thu hồi : 840 m
- Cáp quang cống 24FO thu hồi : 420 m
- Cáp đồng treo 200x2 kéo lại : 1.040 m
- Cáp quang treo 48FO kéo lại : 520 m
- Cáp quang treo 24FO kéo lại : 1.320 m
- Cáp đồng cống 200x2 kéo lại : 580 m
- Cáp quang cống 48FO kéo lại : 580 m
- Cáp quang cống 24FO kéo lại : 880 m

- Tủ cáp đồng 200x2 dịch chuyển (thu lắp lại): 1 tủ
- Tủ ODF 48FO dịch chuyển (thu lắp lại) : 2 tủ
- Tủ ODF 24FO dịch chuyển (thu lắp lại) : 4 tủ
- Cột bê tông vuông 7m đơn thu hồi : 31 cột
- Cột bê tông vuông 7m đôi thu hồi : 2 cột
- Cột bê tông ly tâm 8m đơn thu hồi (trồng tạm): 4 cột
- Cột bê tông ly tâm 8m đôi thu hồi : 1 cột
- Cột bê tông vuông 7m đơn trồng lại : 25 cột
- Cột bê tông vuông 7m đôi trồng lại : 5 cột
- Cột bê tông ly tâm 8m đơn trồng lại : 2 cột
- c) Phần bổ sung mới phục vụ di dời:
- Cáp quang đồng treo 200x2x0,5 : 1.540 m
- Cáp quang treo 48FO phi kim loại : 2.060 m
- Cáp quang treo 24FO phi kim loại : 1.110 m
- Tủ cáp quang ODF 48FO : 2 bộ
- Tủ cáp đồng 200x2 : 2 bộ
- Măng sông đồng 200x2 : 6 bộ
- Măng sông quang 48FO : 6 bộ
- Măng sông quang 24 FO : 8 bộ
- Dây sup thuê bao đồng (500m) : 4 cuộn
- Dây sup thuê bao quang : 3.000 m
- Giá dự phòng cáp quang trên tuyến : 4 bộ
- Kẹp cáp + Bulong treo cáp : 151 bộ
- Sắt nối L100x100x10-2,45m : 8 thanh
- Hệ thống tiếp đất tuyến cáp treo : 7 hệ thống
- Tuyến cống 2 ống PVC F110 : 589 m
- Tuyến cống 2 ống Sắt F113,5 qua cống : 20 m
- Tuyến cống 2 ống Sắt F113,5 qua đường : 24 m
- 1 ống PVC F110 lên cáp từ bể : 27 m
- ống cong R500 lên cáp : 9 cái
- Bể cáp bê tông 1 đan dọc TC dưới hè : 13 bể
- Bể cáp bê tông 2 đan dọc Htt=1,7m dưới hè: 13 bể
- Khoan đường 2 ống : 14 m
- Cột bê tông vuông 7m đôi : 2 cột
- Cột bê tông vuông 7m đơn : 3 cột
- Cột bê tông ly tâm 8m : 2 cột
- Đồ ụ quày cột đơn : 32 ụ
- Đồ ụ quày cột đôi : 7 ụ.

d) Thay thế dây cáp thuê bao cáp đồng và cáp quang trên tuyến: Trong quá trình thu hồi, các dây thuê bao cáp đồng và cáp quang trên tuyến do rất mỏng nên sẽ bị đứt cần cắt bỏ. Do vậy, sau khi di dời cáp chính cần trang bị lại cáp mới để kéo lại đầu nối đến các thuê bao đang hoạt động trên tuyến với khối lượng:

- Dây sup thuê bao đồng (500m) : 04 cuộn.
- Dây sup thuê bao quang : 3.000 m.

## 2. Điều chỉnh tổng mức đầu tư xây dựng công trình:

a) Tổng mức đầu tư công trình được phê duyệt tại Quyết định số 1982/QĐ-UBND ngày 11/12/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh: **1.259.545.416 đồng**, trong đó:

Chi phí xây dựng	1.034.179.488 đồng;
Chi phí quản lý dự án	20.781.367 đồng;
Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	111.620.360 đồng;
Chi phí khác	32.985.849 đồng;
Chi phí dự phòng	59.978.353 đồng.

b) Tổng mức đầu tư công trình sau điều chỉnh: **1.919.619.946 đồng**, trong đó:

Chi phí xây dựng	1.599.790.442 đồng;
Chi phí quản lý dự án	40.183.827 đồng;
Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	156.395.727 đồng;
Chi phí khác	31.839.476 đồng;
Chi phí dự phòng	91.410.474 đồng.

\* Lý do điều chỉnh: Việc điều chỉnh một số nội dung Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Di dời hệ thống mạng viễn thông của VNPT Ninh Thuận phục vụ công tác GPMB thi công đường bộ cao tốc Bắc - Nam cung đoạn Cam Lâm - Vĩnh Hảo đoạn qua địa bàn huyện Ninh Sơn là phù hợp với các nội dung theo Văn bản số 915/BQL-ĐHDA3 ngày 20/5/2020 của Ban Quản lý dự án 85, đồng thời đã được Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến chấp thuận tại Văn bản số 1655/UBND-KTTH ngày 05/5/2020.

(Kèm theo bảng tổng hợp dự toán công trình do Sở Xây dựng thẩm định, lập tại Văn bản số 1933/SXD-QLHĐXD&HTKT ngày 24/6/2020).

## Điều 2. Tổ chức thực hiện.

Chủ đầu tư (Ủy ban nhân dân huyện Ninh Sơn) chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện dự án theo đúng nội dung được duyệt tại Điều 1 của Quyết định này và các quy định hiện hành có liên quan về quản lý đầu tư xây dựng công trình.

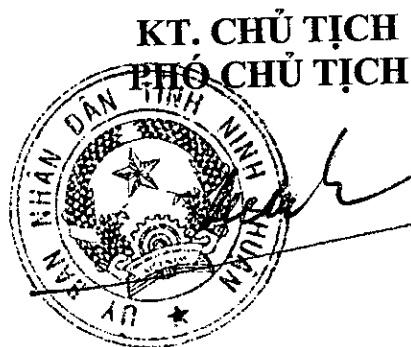
**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế khoản 4, khoản 9 Điều 1 Quyết định số 1982/QĐ-UBND ngày 11/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh. Các nội dung khác thực hiện theo Quyết định số 1982/QĐ-UBND ngày 11/12/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Cục trưởng Cục thuế tỉnh, Chủ tịch Ủy

ban nhân dân huyện Ninh Sơn, Giám đốc Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng huyện Ninh Sơn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:** 

- Như Điều 3;
- Chủ tịch và PCT Trần Quốc Nam;
- Chủ đầu tư (03 bản);
- VPUB: LĐ, KTTH, BTCĐNC;
- Lưu: VT. NQH



**Trần Quốc Nam**

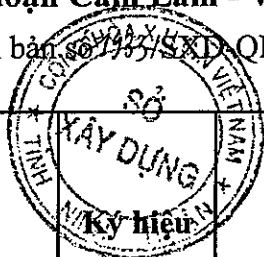


## BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN CÔNG TRÌNH

**Công trình: Di dời hệ thống mạng viễn thông của VNPT Ninh Thuận phục vụ công tác GPMB thi công đường bộ cao tốc Bắc - Nam cung đoạn Cam Lâm - Vĩnh Hảo đoạn qua địa bàn huyện Ninh Sơn**

(Kèm theo văn bản số 193/SXD-QLHĐXD&HTKT ngày 24/6/2020 của Sở Xây dựng)

Đơn vị tính: đồng



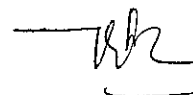
STT	Khoản mục chi phí	Ký hiệu	Cách tính	Đã phê duyệt theo Quyết định 1982/QĐ-UBND ngày 11/12/2019	Giá trị sau khi điều chỉnh	Chênh lệch Tăng Giảm (-)
1	Chi phí xây dựng trước thuế	G	G1	940.163.171	1.454.354.947	514.191.776
	Chi phí di dời	G1		940.163.171	1.454.354.947	514.191.776
2	Thuế GTGT	GTGT	10%*G	94.016.317	145.435.495	51.419.178
<b>I</b>	<b>Chi phí xây dựng sau thuế</b>	<b>G<sub>xd</sub></b>	<b>G+GTGT</b>	<b>1.034.179.488</b>	<b>1.599.790.442</b>	<b>565.610.954</b>
<b>II</b>	<b>Chi phí quản lý dự án</b>	<b>G<sub>qlđt</sub></b>	<b>2,763%*G</b>	<b>20.781.367</b>	<b>40.183.827</b>	<b>19.402.460</b>
<b>III</b>	<b>Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng</b>	<b>G<sub>tv</sub></b>	<b>TV1 +...+ TV6</b>	<b>111.620.360</b>	<b>156.395.727</b>	<b>44.775.367</b>
1	Chi phí khảo sát	TV1	bảng tính	18.656.000	11.384.322	-7.271.678
2	Chi phí lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật	TV2	5,8%*G*1,1	59.982.410	92.787.846	32.805.436
3	Chi phí thẩm tra Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, phần thiết kế	TV3	0,197%*G*1,1*1,2	2.037.334	3.781.905	1.744.571
4	Chi phí thẩm tra Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, phần dự toán	TV4	0,191%*G*1,1*1,2	2.000.000	3.666.720	1.666.720
5	Chi phí lập HSYC và PTĐG HSDX TCXL	TV5	0,388%*G*1,1*60%	2.407.570	3.724.312	1.316.742
6	Chi phí giám sát thi công xây dựng	TV6	2,566%*G*1,1	26.537.046	41.050.623	14.513.577



STT	Khoản mục chi phí	Ký hiệu	Cách tính	Đã phê duyệt theo Quyết định 1982/QĐ-UBND ngày 11/12/2019	Giá trị sau khi điều chỉnh	Chênh lệch Tăng Giảm (-)
<b>IV</b>	<b>Chi phí khác</b>	<b>G<sub>k</sub></b>	<b>K1 + ... + K5</b>	<b>32.985.849</b>	<b>31.839.476</b>	<b>-1.146.373</b>
1	Phí thẩm định BC KT KT	K1	0,019%*TMĐT	239.400	361.000	121.600
2	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	K2	0,57%*TMĐT*50%	5.985.000	5.415.000	-570.000
3	Phí bảo hiểm công trình	K3	0,25%*G*1,1	2.585.449	3.999.476	1.414.027
4	Chi phí thẩm định HSYC và KQLCNT	K4	Tối thiểu	2.000.000	2.000.000	0
5	Chi phí kiểm toán	K5	0,96*TMĐT*1,1	22.176.000	20.064.000	-2.112.000
<b>V</b>	<b>Chi phí dự phòng</b>	<b>G<sub>dp</sub></b>	<b>Gdp1</b>	<b>59.978.353</b>	<b>91.410.474</b>	<b>31.432.121</b>
6.1	Chi phí dự phòng cho yếu tố khối lượng phát sinh	Gdp1	5%*(G <sub>xd</sub> +G <sub>qlda</sub> +G <sub>tv</sub> +G <sub>k</sub> )	59.978.353	91.410.474	31.432.121
	<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>1.259.545.417</b>	<b>1.919.619.946</b>	<b>660.074.529</b>

Bảng chữ: Một tỷ, chín trăm mười chín triệu, sáu trăm mười chín ngàn, chín trăm bốn mươi sáu đồng./.

Người thẩm định



Đào Thị Thanh Huyền